



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU NĂM CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**



an independent member of
**BAKER TILLY
INTERNATIONAL**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	13 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018225 ngày 02 tháng 07 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 10 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh, đổi tên Công ty và tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ 80.000.000.000 VND

Vốn pháp định 6.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 62690742

Fax : (84-4) 62690741

E-mail : info@cmvietnam.vn

Mã số thuế : 0102307343

Website : www.cmvietnam.vn

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là :

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác:
 - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất;
 - Xây dựng công trình cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê;
 - Xây dựng đường hầm;
 - Các công trình xây dựng khác không phải nhà cửa như: Các công trình thể thao ngoài trời;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác và thu gom than bùn;
- Xây dựng công trình công ích;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng:
 - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế, vật liệu xây dựng như: cát, sỏi, kính phẳng, ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác, bình đun nước nóng, thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su, dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;

- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;
 - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;
 - Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
 - Cho thuê máy móc và đồ dùng hữu hình khác: cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp, xây dựng và văn phòng;
 - Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác: bán buôn, bán lẻ và đại lý phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ;
 - Cho thuê xe có động cơ;
 - Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
 - Cung ứng lao động tạm thời;
 - Giáo dục nghề nghiệp: dạy nghề (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
 - Cung ứng và quản lý nguồn lao động: cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước, lao động đi làm việc ở nước ngoài (theo giấy phép số 209/LĐTĐ-XH-GP ngày 9/11/2009);
 - Kinh doanh bất động sản, dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước.
- (Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 40).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch	05 tháng 7 năm 2007	
Ông Kim Ngọc Nhân	Phó Chủ tịch	05 tháng 7 năm 2007	
Ông Phạm Minh Hậu	Thành viên	12 tháng 5 năm 2012	24 tháng 02 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Phi	Thành viên	31 tháng 3 năm 2011	
Bà Nguyễn Thị Loan	Thành viên	14 tháng 11 năm 2013	
Ông Đào Tiến Dương	Thành viên	25 tháng 02 năm 2014	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Hồng Anh	Trưởng ban	12 tháng 5 năm 2012	
Bà Trương Thị Luyến	Thành viên	12 tháng 5 năm 2012	
Ông Phạm Văn Trọng	Thành viên	05 tháng 3 năm 2014	

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Kim Ngọc Nhân	Tổng Giám đốc	09 tháng 4 năm 2008	
Ông Dương Ngọc Trường	Phó Tổng Giám đốc	20 tháng 9 năm 2007	
Ông Nguyễn Văn Phi	Phó Tổng Giám đốc	10 tháng 10 năm 2011	
Ông Đào Tiến Dương	Phó Tổng Giám đốc	16 tháng 01 năm 2010	25 tháng 02 năm 2014
Bà Đinh Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc	25 tháng 02 năm 2014	

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Kim Ngọc Nhân

Ngày 29 tháng 8 năm 2014



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**

Số: 392/2014/BCTC-KTTV



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khánh Dư St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Quê St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, được lập ngày 29 tháng 8 năm 2014, từ trang 06 đến trang 40 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội**



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

Phạm Quang Huy - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1409-2013-008-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		220.357.298.773	215.748.350.586
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	42.590.955.836	17.345.578.435
1. Tiền	111		12.590.955.836	17.345.578.435
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.000.000.000	2.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	2.000.000.000	2.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		72.743.617.358	98.916.171.102
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	52.052.310.980	74.725.687.449
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	3.180.596.844	1.651.463.652
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	28.427.084.404	29.147.384.923
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(10.916.374.870)	(6.608.364.922)
IV. Hàng tồn kho	140		93.398.687.850	86.321.243.313
1. Hàng tồn kho	141	V.7	93.398.687.850	86.321.243.313
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.624.037.729	11.165.357.736
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	1.518.809.624	3.438.327.442
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.385.755.665	988.951.950
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	5.719.472.440	6.738.078.344

KINH DOANH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		53.211.420.078	54.349.649.628
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		18.058.070.231	17.395.070.231
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.10	18.058.070.231	17.395.070.231
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		12.804.281.337	14.487.802.965
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	12.594.061.075	14.272.832.701
<i>Nguyên giá</i>	222		23.921.159.434	23.237.473.071
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(11.327.098.359)	(8.964.640.370)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	765.262	5.515.264
<i>Nguyên giá</i>	228		38.000.000	38.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(37.234.738)	(32.484.736)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	209.455.000	209.455.000
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		21.030.000.000	21.030.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	21.030.000.000	21.030.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.319.068.510	1.436.776.432
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	228.800.748	346.508.670
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.16	1.090.267.762	1.090.267.762
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		273.568.718.851	270.098.000.214

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		180.126.709.555	202.737.444.383
I. Nợ ngắn hạn	310		175.176.872.064	198.405.457.493
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	43.574.796.275	42.773.421.956
2. Phải trả người bán	312	V.18	50.382.467.541	44.524.532.304
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	41.225.848.737	30.312.225.828
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	5.110.247.705	7.362.111.805
5. Phải trả người lao động	315		9.585.672.717	11.396.494.596
6. Chi phí phải trả	316	V.21	18.274.437.392	54.623.069.185
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	5.697.750.385	6.327.780.273
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	1.325.651.312	1.085.821.546
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		4.949.837.491	4.331.986.890
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.24	2.034.154.019	1.448.621.600
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.25	2.883.365.290	2.883.365.290
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.26	32.318.182	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.27	93.442.009.296	67.360.555.831
I. Vốn chủ sở hữu	410		93.442.009.296	67.360.555.831
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		877.646.070	877.646.070
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.198.065.571	1.598.491.154
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10.366.297.655	14.884.418.607
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		273.568.718.851	270.098.000.214

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		3.268,72	31.938,51
Kip Lào (LAK)		106.945.904	-
Algeria Dinar (DZD)		1.271.500	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng

Đặng Xuân Hiến

Lập ngày 29 tháng 8 năm 2014

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	178.488.895.745	66.376.278.408
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		178.488.895.745	66.376.278.408
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	160.360.366.887	57.540.588.112
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.128.528.858	8.835.690.296
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	671.890.385	10.711.927.315
7. Chi phí tài chính	22	VL.4	2.808.651.712	2.760.101.597
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.637.708.349	2.666.832.617
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL.5	11.081.071.357	5.956.391.343
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.910.696.174	10.831.124.671
11. Thu nhập khác	31	VL.6	535.670.052	2.008.249.200
12. Chi phí khác	32	VL.7	392.028.770	951.729.661
13. Lợi nhuận khác	40		143.641.282	1.056.519.539
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.054.337.456	11.887.644.210
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.108.687.558	474.669.050
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.945.649.898	11.412.975.160
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL.8	-	-

Lập ngày 29 tháng 8 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đinh Thị Thủy

Đặng Xuân Hiến



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.054.337.456	11.887.644.210
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11,V.12	2.367.207.991	2.127.288.498
- Các khoản dự phòng	03	VI.5	4.308.009.948	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(28.070.221)	82.263.478
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(517.953.869)	(10.661.414.851)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	2.637.708.349	2.666.832.617
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		13.821.239.654	6.102.613.952
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		21.267.712.783	28.814.813.494
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.077.444.537)	(19.584.499.191)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(22.083.469.086)	21.689.309.120
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.037.225.740	(2.563.535.910)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(2.850.035.947)	(6.617.623.177)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(3.469.160.873)	(1.328.216.166)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.753.735.250	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(974.883.826)	(4.326.609.533)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.424.919.158	22.186.252.589
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(683.686.363)	(2.456.370.456)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(1.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(1.337.942.900)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		180.268.066	10.661.414.851
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(503.418.297)	5.367.101.495

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.27	30.000.000.000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17	80.690.602.811	72.990.210.208
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17	(79.889.228.492)	(134.213.466.643)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.505.568.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>23.295.806.319</i>	<i>(61.223.256.435)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		25.217.307.180	(33.669.902.351)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	17.345.578.435	36.530.237.013
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		28.070.221	(82.263.478)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	42.590.955.836	2.778.071.184

Lập ngày 29 tháng 8 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trưởng Giám đốc



Đinh Thị Thủy

Đặng Xuân Hiến

Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại, khách sạn,...
3. Ngành nghề kinh doanh : Xây dựng và cung ứng nhân lực
4. Nhân viên
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 Công ty có 359 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 283 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
3. Hình thức kế toán áp dụng
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	4 – 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng

Phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng Ban quản lý Dự án gói XL4 được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 26 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Trích lập các quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 30/6/2014 : 21.300 VND/USD
653 VND/THB
2,65 VND/LAK
7,362 VND/MYR
268,79 VND/DZD

31/12/2013 : 21.079 VND/USD
645,47 VND/THB
2,80 VND/LAK
268 VND/DZD
6.135 VND/MYR

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

18. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

20. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	7.313.156.664	729.093.201
Tiền gửi ngân hàng	5.277.799.172	16.616.485.234
Các khoản tương đương tiền	30.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	30.000.000.000	-
Cộng	42.590.955.836	17.345.578.435

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	500.000.000	500.000.000
Cho ông Nguyễn Văn Phi vay	1.500.000.000	1.500.000.000
Cộng	2.000.000.000	2.000.000.000

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH CM Xây dựng	20.559.264.867	36.452.368.612
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vĩnh Hào	9.142.206.540	3.872.355.844
Công ty Cổ phần Than điện Nông Sơn Vinacomin	7.332.963.800	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	5.376.353.655	7.981.317.298
Công ty TNHH CH.KARNCHANG	3.580.249.723	5.535.016.424
Công ty Cojaal - Algeria - Containteen	2.560.366.627	4.030.332.878
PARAS CM JV SDN BHD - Malaysia	886.842.640	676.259.123
Công ty Cổ phần Công nghệ nền móng Ninh Bình	788.530.282	788.530.282
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy Điện	704.446.925	704.446.925
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hầm	414.088.351	414.088.351
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 4	3.246.002	6.961.181.002
Công ty Xây dựng mỏ hầm lò II-TKV	-	5.104.995.187
Công ty TNHH MTV Than Khe Châm - Vinacomin	-	1.822.800.570
Các đối tượng khác	703.751.568	381.994.953
Cộng	52.052.310.980	74.725.687.449

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vĩnh Hào	1.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	650.000.000	-
Công ty TNHH dịch vụ khoan và nổ mìn Trường Sơn	459.168.164	-
Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và Thương mại Việt Nam	139.600.000	-
Ông Hà Huy Hiền	121.123.344	-
Công ty Cổ phần xây dựng Trung Á	-	320.700.000
Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh	-	243.443.327
Công ty Cổ phần phát triển LQ	-	225.000.000
Các đối tượng khác	610.705.336	625.978.325
Cộng	3.180.596.844	1.651.463.652

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu về tiền thuế dịch vụ 10% phải nộp ở nước ngoài	573.828.935	171.376.659
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	21.540.049.741	21.540.049.741
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	3.838.289.539	3.838.289.539
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vinh Hào	-	1.504.000.000
Ông Lăng Việt Hùng	76.560.655	76.560.655
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	337.685.803	-
Các khoản phải thu khác	2.060.669.731	2.017.108.329
Cộng	28.427.084.404	29.147.384.923

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán		
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	-	6.462.014.922
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	10.770.024.870	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	146.350.000	146.350.000
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	10.916.374.870	6.608.364.922

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	6.608.364.922	146.350.000
Trích lập dự phòng bổ sung	4.308.009.948	-
Số cuối kỳ	10.916.374.870	146.350.000

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	27.404.332	141.821.906
Nguyên liệu, vật liệu	10.242.910.570	4.988.542.306
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	83.128.372.948	81.190.879.101
Cộng	93.398.687.850	86.321.243.313

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	521.139.536	1.629.662.947
Chi phí thuê văn phòng	137.832.286	109.618.835
Phí bảo lãnh	78.020.571	143.401.169
Chi phí sửa chữa	199.086.153	204.872.584
Chi phí bảo hiểm	95.086.760	202.054.598
Chi phí vận chuyển, lắp đặt	-	179.769.097
Chi phí dịch vụ xuất - nhập cảnh	83.247.442	454.496.211
Chi phí khác	404.396.876	514.452.001
Cộng	1.518.809.624	3.438.327.442

9. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	4.055.479.448	5.180.766.347
Tài sản thiếu chờ xử lý	85.804.126	85.804.126
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.578.188.866	1.471.507.871
Cộng	5.719.472.440	6.738.078.344

10. Phải thu dài hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc	15.912.736.234	15.912.736.234
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hầm	1.482.333.997	1.482.333.997
Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 1	663.000.000	-
Cộng	18.058.070.231	17.395.070.231

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	13.268.652.333	9.680.222.512	288.598.226	23.237.473.071
Tăng trong kỳ do mua sắm mới	-	683.686.363	-	683.686.363
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	13.268.652.333	10.363.908.875	288.598.226	23.921.159.434
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	818.181.819	1.026.396.875	228.598.226	2.073.176.920
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	5.085.165.245	3.637.543.571	241.931.554	8.964.640.370
Tăng trong kỳ do trích khấu hao	1.459.563.360	892.894.633	9.999.996	2.362.457.989
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	6.544.728.605	4.530.438.204	251.931.550	11.327.098.359
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	8.183.487.088	6.042.678.941	46.666.672	14.272.832.701
Số cuối kỳ	6.723.923.728	5.833.470.671	36.666.676	12.594.061.075
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Dang chờ thanh lý	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 13.255.831.483 VND và 6.303.244.390 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng.

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính. Chi tiết số phát sinh như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	38.000.000	32.484.736	5.515.264
Tăng trong kỳ do trích khấu hao	-	4.750.002	(4.750.002)
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	38.000.000	37.234.738	765.262

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng thương hiệu.

14. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	2.103.000	21.030.000.000	2.103.000	21.030.000.000

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0103039377 ngày 24 tháng 07 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và Xây lắp Nam Việt 21.030.000.000 VND, tương đương với 100% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**18. Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH CM Xây dựng	24.654.803.010	-
Công ty TNHH Kinh doanh tổng hợp Huy Hùng	6.033.941.952	5.746.510.289
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vĩnh Hào	4.367.168.791	-
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	2.893.888.000	1.846.400.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Bản Việt	1.971.869.990	2.223.201.031
Công ty TNHH Hòa Hiệp	1.261.241.100	6.091.886.942
Công ty Cổ phần Cát sỏi Miền Trung	1.086.917.388	2.253.180.598
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	959.174.322	541.067.772
Công ty Cổ phần Máy công trình việt nam	684.320.000	714.320.000
Công ty Cổ phần TKD	569.410.014	-
Công ty TNHH Xây dựng thương mại Toàn Thắng	536.603.111	259.478.426
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam	535.375.366	535.375.366
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	533.894.971	10.194.579.183
Doanh nghiệp tư nhân Vũ Quyết	445.434.746	-
Công ty Cổ phần Thịnh Cường	437.048.237	437.048.237
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại Ngân Giang	394.460.904	354.946.058
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ tổng hợp Hòa Khánh	346.223.250	-
Mr KAMPANAT	306.032.400	369.068.560
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Dương Minh Thịnh	274.170.409	438.370.412
Bà Lê Thị Bích Ngọc	230.299.000	31.604.569
Công ty TNHH Một thành viên Đông Phương	202.502.846	302.502.846
Công ty TNHH CM Xây dựng	-	7.495.194.647
Bà Kim Ngọc Loan	-	1.102.448.000
Các đối tượng khác	1.657.687.734	3.587.349.368
Cộng	50.382.467.541	44.524.532.304

19. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Bạc	1.942.830.855	1.742.830.855
Công ty Xây lắp Môi trường Nhân Cơ Vinacomin	24.304.782.499	9.994.457.599
Công ty TNHH Một thành viên Than Khe Châm - Vinacomin	10.827.064.526	9.002.937.374
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi I	650.000.000	4.800.000.000
Ban quản lý dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư và xây dựng hệ thống kênh mương công trình thủy lợi Ngân Trươi - Cẩm Trang	3.500.000.000	4.650.000.000
Đối tượng khác	1.170.857	122.000.000
Cộng	41.225.848.737	30.312.225.828

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.482.743.278	1.108.687.558	(3.469.160.873)	3.122.269.963
Thuế thu nhập cá nhân	1.879.368.527	475.484.990	(366.875.775)	1.987.977.742
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	7.362.111.805	1.587.172.548	(3.839.036.648)	5.110.247.705

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Dịch vụ xây dựng	10%
Bán hàng hóa	10%
Cung ứng nhân lực ra nước ngoài	0%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.054.337.456	11.887.644.210
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	593.101.842
Chi phí khấu hao tương ứng với phần nguyên giá xe ô tô vượt trên 1,6 tỷ VND	-	228.278.956
Chi phí khấu hao TSCĐ không có chứng từ	-	-
Phạt chậm nộp tiền thuế	-	265.827.503
Chi phí không được trừ khác	-	98.995.383
- Các khoản điều chỉnh giảm	(14.848.558)	(10.582.069.851)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(10.582.069.851)
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại của tiền, các khoản phải thu	(14.848.558)	-
Thu nhập chịu thuế	5.039.488.898	1.898.676.201
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	5.039.488.898	1.898.676.201
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.108.687.558	474.669.050

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

21. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả về sản lượng xây lắp hoàn thành	14.082.032.707	50.675.484.963
Trích trước chi phí nhân công thuê ngoài	1.136.441.288	540.167.110
Chi phí vật tư	-	287.431.663
Chi phí lãi vay phải trả	18.279.318	230.606.916
Phí quản lý dự án	2.608.729.266	2.608.729.266
Chi phí thuê máy	402.512.543	216.827.874
Chi phí phải trả khác	26.442.270	63.821.393
Cộng	18.274.437.392	54.623.069.185

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	788.691.205	1.353.727.088
Kinh phí công đoàn	366.423.785	343.830.229
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.375.660.000	1.075.660.000
Vay không tính lãi các cá nhân	146.589.431	317.144.431
Công ty Cổ phần Công nghiệp Xây dựng Toàn Phát	767.163.000	767.163.000
Công ty TNHH Hòa Hiệp	-	270.000.000
Công ty Cổ Phần Thủy Điện Sông Bạc	217.085.878	184.577.078
Dự án Bản Mòng Sơn La	-	105.226.451
Cổ tức phải trả	23.445.000	29.013.000
Thủ lao HĐQT, Ban kiểm soát	124.366.667	-
Phải trả khác	1.888.325.419	1.881.438.996
Cộng	5.697.750.385	6.327.780.273

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	740.095.637	119.914.883	-	860.010.520
Quỹ phúc lợi	345.725.909	119.914.883	-	465.640.792
Cộng	1.085.821.546	239.829.766	-	1.325.651.312

24. Phải trả dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

25. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt ⁽ⁱ⁾	918.181.818	918.181.818
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Long Biên ⁽ⁱⁱ⁾	1.074.183.472	1.074.183.472
Ngân hàng TMCP Liên Việt Postbank - Chi nhánh Hà Nội ⁽ⁱⁱⁱ⁾	891.000.000	891.000.000
Cộng	2.883.365.290	2.883.365.290

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thái Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt để mua trạm trộn bê tông và máy Cầu quy 50 với lãi suất 12%/năm, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Long Biên để đầu tư máy móc thiết bị phục vụ thi công xây dựng với lãi suất thay đổi theo thị trường tại từng thời điểm, thời hạn vay 42 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Liên Việt Postbank – Chi nhánh Hà Nội để mua xe ô tô con nhãn hiệu Toyota Landcruiser Prado TX-L với lãi suất 14%/năm, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 05 tháng 02 năm 2014. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp xe ô tô nhãn hiệu Toyota Landcruiser Prado TX-L.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.163.107.295	2.326.225.464
Trên 1 năm đến 5 năm	2.883.365.290	2.883.365.290
Trên 5 năm	-	-
Tổng nợ	4.046.472.585	5.209.590.754

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	2.883.365.290	-
Số tiền vay phát sinh	-	1.018.181.818
Số tiền vay đã trả	-	(565.500.000)
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Số cuối kỳ	2.883.365.290	3.166.545.752

26. Doanh thu chưa thực hiện
Là tiền cho thuê nhà nhận trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

27. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	877.646.070	752.819.791	5.706.843.146	57.337.309.007
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	20.994.918.187	20.994.918.187
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	845.671.363	(1.691.342.726)	(845.671.363)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Phụ cấp HDQT	-	-	-	(126.000.000)	(126.000.000)
Số dư cuối năm trước	50.000.000.000	877.646.070	1.598.491.154	14.884.418.607	67.360.555.831
Số dư đầu kỳ này	50.000.000.000	877.646.070	1.598.491.154	14.884.418.607	67.360.555.831
Góp vốn bằng tiền	30.000.000.000	-	-	-	30.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	3.945.649.898	3.945.649.898
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	599.574.417	(839.404.183)	(239.829.766)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Thù lao HDQT, Ban kiểm soát	-	-	-	(124.366.667)	(124.366.667)
Số dư cuối kỳ	80.000.000.000	877.646.070	2.198.065.571	10.366.297.655	93.442.009.296

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	80.000.000.000	50.000.000.000

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức năm trước	7.505.568.000	10.000.000.000
Tạm ứng cổ tức	-	-
Cộng	7.505.568.000	10.000.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	8.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	5.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	28.684.226.641	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	733.413.713	2.197.242.991
Doanh thu hoạt động xây dựng	149.071.255.391	64.179.035.417
Cộng	178.488.895.745	66.376.278.408

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	28.237.067.454	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	481.275.324	2.028.138.542
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	131.642.024.109	55.512.449.570
Cộng	160.360.366.887	57.540.588.112

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	435.078.869	4.345.000
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	10.866.471	50.512.464
Lãi tiền cho vay	82.875.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	10.582.069.851
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	28.070.221	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	114.999.824	-
Cộng	671.890.385	10.711.927.315

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.637.708.349	2.666.832.617
Lãi mua hàng trả chậm	9.040.505	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	82.263.478
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	161.902.858	11.005.502
Cộng	2.808.651.712	2.760.101.597

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thủy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.179.842.619	2.631.554.122
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	11.000.000	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	201.109.623	191.486.919
Chi phí khấu hao TSCĐ	617.471.916	588.216.870
Thuế, phí và lệ phí	196.119.888	63.209.912
Chi phí dự phòng	4.308.009.948	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.503.904.850	2.040.601.354
Chi phí bằng tiền khác	63.612.513	441.322.166
Cộng	11.081.071.357	5.956.391.343

6. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thí nghiệm công trình	117.112.354	-
Thu phí bảo hiểm được hoàn	206.878.144	-
Thu phí quản lý công ty thành viên	-	1.311.130.610
Thu từ thanh lý phế liệu, vật tư	7.000.000	396.387.487
Thu từ sửa chữa máy móc thiết bị	-	107.445.182
Thu từ bán tiền điện	165.034.000	71.122.251
Thu nhập khác	39.645.554	122.163.670
Cộng	535.670.052	2.008.249.200

7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thí nghiệm công trình	117.112.354	-
Giá trị vật tư thanh lý	59.594.444	420.755.580
Phạt chậm nộp thuế	-	282.560.424
Phí sửa chữa và vận chuyển máy	-	107.445.182
Chi phí tiền điện	165.034.000	55.655.751
Chi phí khác	50.287.972	85.312.724
Cộng	392.028.770	951.729.661

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chi tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Hội đồng quản trị</i>		
Cho thành viên HĐQT vay	-	1.500.000.000
Phụ cấp chi trả cho HĐQT	143.838.710	84.000.000
Vay ngắn hạn HĐQT không tính lãi	-	1.800.000.000
Cổ tức đã chi trả cho HĐQT	1.555.771.650	1.163.762.200

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hội đồng quản trị	1.500.000.000	1.500.000.000
Ban điều hành	-	-
Cộng nợ phải thu	1.500.000.000	1.500.000.000
Hội đồng quản trị	180.346.663	1.600.000.000
Ban điều hành	-	8.683.000
Cộng nợ phải trả	180.346.663	1.608.683.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, phụ cấp	1.187.007.412	838.352.430

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và thương mại	Công ty con
Công ty TNHH CM Xây dựng	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần CM Thành Đông	Công ty trong cùng tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các giao dịch phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty TNHH CM Xây dựng</i>		
Nhập mua vật tư	-	4.126.159.005
Thuê nhân công thi công	-	10.639.838.075
Thuê máy thi công	2.390.593.268	2.498.861.976
Dịch vụ cung cấp	-	137.218.854
Phải thu CM Xây dựng tiền chi phí thuê máy	-	1.947.465.479
Phải trả CM Xây dựng tiền sản lượng	32.566.590.922	-
<i>Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại</i>		
CM Đầu tư và Thương mại cho vay	19.225.256.000	-
Nhập mua vật tư	32.474.507.097	27.905.720.196
Phải thu tiền thuê nhà	32.168.184	33.575.121
Phải thu về phí quản lý công ty thành viên	1.238.707.680	1.311.130.610

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Công ty TNHH CM Xây dựng</i>		
Phải thu khách hàng	20.559.264.867	36.452.368.612
<i>Công ty TNHH CM Thành Đông</i>		
Phải thu khác	266.000.000	-
Cộng nợ phải thu	20.825.264.867	36.452.368.612
<i>Công ty TNHH CM Xây dựng</i>		
Phải trả người bán	24.654.803.010	7.495.194.647
<i>Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại</i>		
Vay ngắn hạn	2.413.201.000	-
Phải trả người bán	533.894.971	10.194.579.183
Cộng nợ phải trả	27.601.898.981	17.689.773.830

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp: Xây dựng, lắp đặt công trình.
- Lĩnh vực thương mại: Bán vật tư, hàng hóa.
- Lĩnh vực dịch vụ: Cung cấp dịch vụ xuất khẩu lao động, cho thuê văn phòng và cho thuê thiết bị thi công.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực Dịch vụ	Cộng
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	149.071.255.391	28.684.226.641	733.413.713	178.488.895.745
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	149.071.255.391	28.684.226.641	733.413.713	178.488.895.745
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	17.429.231.282	447.159.187	252.138.389	18.128.528.858
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(11.081.071.357)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				7.047.457.501
Doanh thu hoạt động tài chính				671.890.385
Chi phí tài chính				(2.808.651.712)
Thu nhập khác				535.670.052
Chi phí khác				(392.028.770)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.108.687.558)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				3.945.649.898
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	571.004.622	109.872.463	2.809.278	683.686.363
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.075.364.594	399.340.760	10.210.559	2.484.915.913

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Kỳ trước**

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	64.179.035.417	-	2.197.242.991	66.376.278.408
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	64.179.035.417	-	2.197.242.991	66.376.278.408
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	8.666.585.847	-	169.104.449	8.835.690.296
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(5.956.391.343)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				2.879.298.953
Doanh thu hoạt động tài chính				10.711.927.315
Chi phí tài chính				(2.760.101.597)
Thu nhập khác				2.008.249.200
Chi phí khác				(951.729.661)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(474.669.050)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				11.412.975.160
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	2.437.291.579	-	60.000.000	2.497.291.579
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	64.131.110	-	5.629.169	69.760.279

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực Dịch vụ	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	60.847.344.119	788.530.282	226.588.568	61.862.462.969
Tài sản phân bổ cho bộ phận	88.699.130.984	17.067.448.512	436.389.690	106.202.969.187
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				105.503.286.695
Tổng tài sản				273.568.718.851
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	58.946.940.983	535.065.828	3.442.132.201	62.924.139.012
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	88.900.921.674	17.106.276.989	437.382.478	106.444.581.141
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				10.757.989.402
Tổng nợ phải trả				180.126.709.555
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	82.919.137.312	4.660.886.126	235.644.953	87.815.668.391
Tài sản phân bổ cho bộ phận	93.431.600.264	6.881.389.048	496.056.966	100.809.046.278
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				81.473.285.545
Tổng tài sản				270.098.000.214
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	84.582.688.097	122.000.000	2.524.281.600	87.228.969.697
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	94.357.838.422	6.949.607.992	500.974.648	101.808.421.062
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				13.700.053.624
Tổng nợ phải trả				202.737.444.383

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Công ty có rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến Công ty Cổ phần CM Xây dựng với số dư nợ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 chiếm 39% tổng số dư nợ phải thu (tại ngày 01 tháng 01 năm 2014 chiếm 49%). Các khách hàng khác có số dư dưới 5% tổng số dư nợ phải thu nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu của các khách hàng này là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty con và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.590.955.836	-	42.590.955.836
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	500.000.000	-	500.000.000
Phải thu khách hàng	69.964.031.211	146.350.000	70.110.381.211
Các khoản cho vay	1.500.000.000	-	1.500.000.000
Các khoản phải thu khác	9.555.491.291	21.540.049.741	31.095.541.032
Cộng	124.110.478.338	21.686.399.741	145.796.878.079
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.345.578.435	-	17.345.578.435
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	500.000.000	-	500.000.000
Phải thu khách hàng	91.974.407.680	146.350.000	92.120.757.680
Các khoản cho vay	1.500.000.000	-	1.500.000.000
Các khoản phải thu khác	10.254.914.941	21.540.049.741	31.794.964.682
Cộng	121.574.901.056	21.686.399.741	143.261.300.797

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	43.574.796.275	2.883.365.290	-	46.458.161.565
Phải trả người bán	50.382.467.541	-	-	50.382.467.541
Các khoản phải trả khác	22.669.261.120	2.034.154.019	-	24.703.415.139
Cộng	116.626.524.936	4.917.519.309	-	121.544.044.245
Số đầu năm				
Vay và nợ	42.773.421.956	2.883.365.290	-	45.656.787.246
Phải trả người bán	44.524.532.304	-	-	44.524.532.304
Các khoản phải trả khác	59.253.292.141	1.448.621.600	-	60.701.913.741
Cộng	146.551.246.401	4.331.986.890	-	150.883.233.291

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD, LAK, RM và THB do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thủy Trám, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐÓ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản (Nợ phải trả) thuần có góc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ				Số đầu năm					
	USD	LAK	DZD	MYR	THB	USD	LAK	MYR	DZD	THB
Tiền và các khoản tương đương tiền	3,268,72	106,945,904	1,271,500	-	-	31,938,51	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	120,196,96	-	-	134,449,75	5,466,614,33	191,201,33	-	105,605,26	-	8,575,172,24
Phải trả người bán	-	(81,033,000)	-	-	(763,930,80)	-	(131,810,200)	-	(245,840)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	123,465,68	25,912,904	1,271,500	134,449,75	4,702,683,53	223,139,84	(131,810,200)	105,605,26	(245,840)	8,575,172,24

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, với giá định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và các đồng tiền khác tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty (do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính) sẽ giảm/tăng như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Với đồng USD	41.025.176	70.553.471
Với đồng LAK	1.071.239	(5.536.028)
Với đồng DZD	5.331.557	(988.277)
Với đồng MYR	15.441.177	9.718.324
Với đồng THB	47.905.297	83.025.246

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản cho vay	1.500.000.000	1.500.000.000
Vay và nợ	(32.308.615.765)	(30.239.070.964)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	(30.808.615.765)	(28.739.070.964)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 462.129.236 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 492.562.701 VND).

Rủi ro về giá hàng hóa và nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa và nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa và nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.590.955.836	-	17.345.578.435	-	42.590.955.836	17.345.578.435
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	500.000.000	-	500.000.000	-	500.000.000	500.000.000
Phải thu khách hàng	70.110.381.211	(196.350.000)	92.120.757.680	(6.608.364.922)	69.914.031.211	85.512.392.758
Các khoản cho vay	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-	1.500.000.000	1.500.000.000
Các khoản phải thu khác	31.095.541.032	(10.720.024.870)	31.794.964.682	-	20.375.516.162	31.794.964.682
Cộng	145.796.878.079	(10.916.374.870)	143.261.300.797	(6.608.364.922)	134.880.503.209	136.652.935.875

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ	46.458.161.565	45.500.785.592	45.383.978.093	44.582.603.774
Phải trả người bán	50.382.467.541	44.524.532.304	50.382.467.541	44.524.532.304
Các khoản phải trả khác	24.703.415.139	60.701.913.741	24.703.415.139	60.701.913.741
Cộng	121.544.044.245	150.727.231.637	120.469.860.773	149.809.049.819

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

5. Những thông tin khác

Số liệu so sánh trên Căn đối kế toán được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2013, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được lấy theo Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

Lập, ngày 29 tháng 8 năm 2014

Người lập biểu

Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng

Đặng Xuân Hiền

